

### PHỤ LỤC 03. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /03/2025 của UBND tỉnh Bình Định)

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                     |                                |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                     |                                |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                       | Vị trí                         | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                       | Vị trí                         | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                 | (3)                            | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                 | (7)                            | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| I                                                       | Thành phố Quy Nhơn (12 dự án)                                                                       | 12                             | 76,74                      | I                             | Thành phố Quy Nhơn (12 dự án)                                                                       | 12                             | 76,74                      | 0,00                                  |                  |
| 1                                                       | Khu tái định cư vùng thiên tai Nhơn Hải                                                             | Thành phố Quy Nhơn             | 3,00                       | 1                             | Khu tái định cư vùng thiên tai Nhơn Hải                                                             | Thành phố Quy Nhơn             | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Khu dân cư phía Bắc đường Đống Đa                                                                   | Đường Đống Đa                  | 21,00                      | 2                             | Khu dân cư phía Bắc đường Đống Đa                                                                   | Đường Đống Đa                  | 21,00                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 3                                                       | Khu dân cư khu vực 6 (giai đoạn 2)                                                                  | Phường Nhơn Phú                | 6,00                       | 3                             | Khu dân cư khu vực 6 (giai đoạn 2)                                                                  | Phường Nhơn Phú                | 6,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 4                                                       | KDC Khu vực 8                                                                                       | Phường Trần Quang Diệu         | 4,00                       | 4                             | KDC Khu vực 8                                                                                       | Phường Trần Quang Diệu         | 4,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Khu tái định cư phục vụ dự án Lê Hồng Phong (núi dài), KV9                                          | Thành phố Quy Nhơn             | 10,00                      | 5                             | Khu tái định cư phục vụ dự án Lê Hồng Phong (núi dài), KV9                                          | Thành phố Quy Nhơn             | 10,00                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Đông núi Mồ côi, phường Nhơn Phú (khu Mở rộng)                                                      | Thành phố Quy Nhơn             | 6,00                       | 6                             | Đông núi Mồ côi, phường Nhơn Phú (khu Mở rộng)                                                      | Thành phố Quy Nhơn             | 6,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 7                                                       | Khu vực 5, phường Nhơn Phú (phía Đông Bệnh viện Tâm Thần)                                           | Thành phố Quy Nhơn             | 7,00                       | 7                             | Khu vực 5, phường Nhơn Phú (phía Đông Bệnh viện Tâm Thần)                                           | Thành phố Quy Nhơn             | 7,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 8                                                       | Bắc tiểu dự án Vệ sinh môi trường, phường Nhơn Bình (Mở rộng)                                       | Thành phố Quy Nhơn             | 4,00                       | 8                             | Bắc tiểu dự án Vệ sinh môi trường, phường Nhơn Bình (Mở rộng)                                       | Thành phố Quy Nhơn             | 4,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 9                                                       | Khu tái định cư tại khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân                                                  | Khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân | 4,53                       | 9                             | Khu tái định cư tại khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân                                                  | Khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân | 4,53                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 10                                                      | Khu TĐC mở rộng phía Tây Bắc khu TĐC Quy hòa thuộc khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn | phường Ghềnh Ráng              | 4,10                       | 10                            | Khu TĐC mở rộng phía Tây Bắc khu TĐC Quy hòa thuộc khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn | phường Ghềnh Ráng              | 4,10                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                            |                      |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                            |                      |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                              | Vị trí               | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                              | Vị trí               | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                        | (3)                  | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                        | (7)                  | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 11                                                      | Khu TĐC Bắc Công viên khoa học, khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn           | phường Ghềnh Ráng    | 2,86                       | 11                            | Khu TĐC Bắc Công viên khoa học, khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn           | phường Ghềnh Ráng    | 2,86                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 12                                                      | Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới | Phường Nhơn Phú      | 4,25                       | 12                            | Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới | Phường Nhơn Phú      | 4,25                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| <b>II</b>                                               | <b>Huyện Hoài Ân (22 dự án)</b>                                                            | <b>22</b>            | <b>30,85</b>               | <b>II</b>                     | <b>Huyện Hoài Ân (21 dự án)</b>                                                            | <b>21</b>            | <b>30,85</b>               | <b>0,00</b>                           |                  |
| 1                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Nghĩa          | 1,00                       | 1                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Nghĩa          | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Hữu            | 1,00                       | 2                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Hữu            | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 3                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Tường Đông     | 1,00                       | 3                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Tường Đông     | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 4                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Tường Tây      | 1,00                       | 4                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Tường Tây      | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Phong          | 3,00                       | 5                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Phong          | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Thạnh          | 2,00                       | 6                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Thạnh          | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 7                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Mỹ             | 1,00                       | 7                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Mỹ             | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 8                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Tín            | 2,00                       | 8                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Tín            | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 9                                                       | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Hảo Đông       | 1,00                       | 9                             | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Hảo Đông       | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 10                                                      | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Hảo Tây        | 2,00                       | 10                            | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Hảo Tây        | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 11                                                      | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Đức            | 1,00                       | 11                            | Dự án đền bù, GPMB xây dựng KDC                                                            | Xã Ân Đức            | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 12                                                      | Dự án xây dựng KDC ĐGQSD                                                                   | Thị trấn Tăng Bạt Hổ | 2,00                       | 12                            | Dự án xây dựng KDC ĐGQSD                                                                   | Thị trấn Tăng Bạt Hổ | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                          |                                  |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                          |                                  |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                        |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                            | Vị trí                           | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                            | Vị trí                           | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                      | (3)                              | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                      | (7)                              | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                           |
| 13                                                      | Dự án bồi thường GPMB, hỗ trợ tái định cư xây dựng cầu Phú Văn                                                           | Huyện Hoài Ân                    | 1,00                       | 13                            | Dự án bồi thường GPMB, hỗ trợ tái định cư xây dựng cầu Phú Văn                                                           | Huyện Hoài Ân                    | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 14                                                      | Dự án bồi thường GPMB khắc phục điểm đen tuyến thị trấn Tăng Bạt Hổ- Ân Phong                                            | Thị trấn Tăng Bạt Hổ             | 5,00                       | 14                            | Dự án bồi thường GPMB khắc phục điểm đen tuyến thị trấn Tăng Bạt Hổ- Ân Phong                                            | Thị trấn Tăng Bạt Hổ             | 5,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 15                                                      | <i>Dự án bồi thường GPMB, hỗ trợ, tái định cư xây dựng mở rộng nút giao thông ngã 5 đường Trần Hưng Đạo - Hùng Vương</i> | <i>Huyện Hoài Ân</i>             | -                          | 15                            | <i>Dự án bồi thường GPMB, hỗ trợ, tái định cư xây dựng mở rộng nút giao thông ngã 5 đường Trần Hưng Đạo - Hùng Vương</i> | <i>Huyện Hoài Ân</i>             | -                          | 0,00                                  | <i>Đưa ra khỏi danh mục vì không thực hiện</i> |
| 16                                                      | Khu tái định cư Đội 8 tại thôn Long Mỹ, xã Mỹ Ân                                                                         | Thôn Long Mỹ, xã Mỹ Ân           | 0,70                       | 16                            | Khu tái định cư Đội 8 tại thôn Long Mỹ, xã Mỹ Ân                                                                         | Thôn Long Mỹ, xã Mỹ Ân           | 0,70                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 17                                                      | Khu tái định cư đồng Xe Tư tại thôn Hội An, xã Ân Thạnh                                                                  | Thôn Hội An, xã Ân Thạnh         | 2,00                       | 17                            | Khu tái định cư đồng Xe Tư tại thôn Hội An, xã Ân Thạnh                                                                  | Thôn Hội An, xã Ân Thạnh         | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 18                                                      | Khu tái định cư đồng Cây Thị tại thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh                                                           | Thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh    | 2,50                       | 18                            | Khu tái định cư đồng Cây Thị tại thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh                                                           | Thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh    | 2,50                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 19                                                      | Khu tái định cư rộc Xã Sáu tại thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh                                                             | Thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh    | 0,20                       | 19                            | Khu tái định cư rộc Xã Sáu tại thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh                                                             | Thôn Thế Thạnh 1, xã Ân Thạnh    | 0,20                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 20                                                      | Khu tái định cư đồng Xe Thu tại thôn Thế Thạnh 2, xã Ân Thạnh                                                            | Thôn Thế Thạnh 2, xã Ân Thạnh    | 0,15                       | 20                            | Khu tái định cư đồng Xe Thu tại thôn Thế Thạnh 2, xã Ân Thạnh                                                            | Thôn Thế Thạnh 2, xã Ân Thạnh    | 0,15                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 21                                                      | Khu tái định cư Đội 5 tại thôn Ân Hậu, xã Ân Phong                                                                       | Thôn Ân Hậu, xã Ân Phong         | 0,50                       | 21                            | Khu tái định cư Đội 5 tại thôn Ân Hậu, xã Ân Phong                                                                       | Thôn Ân Hậu, xã Ân Phong         | 0,50                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| 22                                                      | Khu tái định cư Đội 1 tại thôn Vĩnh Viễn, xã Ân Tường Đông                                                               | Thôn Vĩnh Viễn, xã Ân Tường Đông | 0,80                       | 22                            | Khu tái định cư Đội 1 tại thôn Vĩnh Viễn, xã Ân Tường Đông                                                               | Thôn Vĩnh Viễn, xã Ân Tường Đông | 0,80                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |
| <b>III</b>                                              | <b>Huyện Vĩnh Thạnh (02 dự án)</b>                                                                                       | <b>2</b>                         | <b>11,04</b>               | <b>III</b>                    | <b>Huyện Vĩnh Thạnh (02 dự án)</b>                                                                                       | <b>2</b>                         | <b>11,04</b>               | <b>0,00</b>                           | Không điều chỉnh                               |
| 1                                                       | Dự án Định canh – Định cư tập trung làng K2 (suối đá)                                                                    | Xã Vĩnh Sơn                      | 3,50                       | 1                             | Dự án Định canh – Định cư tập trung làng K2 (suối đá)                                                                    | Xã Vĩnh Sơn                      | 3,50                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                               |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                           |                   |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                           |                   |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                             | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                             | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                       | (3)               | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                       | (7)               | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 2                                                       | Dự Án làng Đakxung (suối Cát)                                                                             | Xã Vĩnh Sơn       | 7,54                       | 2                             | Dự Án làng Đakxung (suối Cát)                                                                             | Xã Vĩnh Sơn       | 7,54                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| <b>IV</b>                                               | <b>Huyện Vân Canh (06 dự án)</b>                                                                          | <b>6</b>          | <b>395,09</b>              | <b>IV</b>                     | <b>Huyện Vân Canh (06 dự án)</b>                                                                          | <b>6</b>          | <b>395,09</b>              | <b>0,00</b>                           |                  |
| 1                                                       | Dự án định canh định cư suối Diếp, xã Canh Hòa                                                            | Xã Canh Hòa       | 6,00                       | 1                             | Dự án định canh định cư suối Diếp, xã Canh Hòa                                                            | Xã Canh Hòa       | 6,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Khu Tái định cư phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh Bình Định ĐT.638 và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh | Xã Canh Vinh      | 10,70                      | 2                             | Khu Tái định cư phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh Bình Định ĐT.638 và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh | Xã Canh Vinh      | 10,70                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 3                                                       | Khu TĐC-dân cư Hiệp Vinh 2                                                                                | Xã Canh Vinh      | 94,81                      | 3                             | Khu TĐC-dân cư Hiệp Vinh 2                                                                                | Xã Canh Vinh      | 94,81                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 4                                                       | Khu TĐC-dân cư Tân Vinh                                                                                   | Xã Canh Vinh      | 99,20                      | 4                             | Khu TĐC-dân cư Tân Vinh                                                                                   | Xã Canh Vinh      | 99,20                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1A                                                                     | Xã Canh Vinh      | 89,90                      | 5                             | Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1A                                                                     | Xã Canh Vinh      | 89,90                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B                                                                     | Xã Canh Vinh      | 94,48                      | 6                             | Khu tái định cư – dân cư Hiệp Vinh 1B                                                                     | Xã Canh Vinh      | 94,48                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| <b>V</b>                                                | <b>Huyện An Lão (02 dự án)</b>                                                                            | <b>2</b>          | <b>6,00</b>                | <b>V</b>                      | <b>Huyện An Lão (02 dự án)</b>                                                                            | <b>2</b>          | <b>6,00</b>                | <b>0,00</b>                           |                  |
| 1                                                       | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu giãn dân thôn 02, thị trấn An Lão                                              | Thị trấn An Lão   | 3,00                       | 1                             | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu giãn dân thôn 02, thị trấn An Lão                                              | Thị trấn An Lão   | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Dự án Tái định cư Gò Núi Một, xã An Tân                                                                   | Xã An Tân         | 3,00                       | 2                             | Dự án Tái định cư Gò Núi Một, xã An Tân                                                                   | Xã An Tân         | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| <b>VI</b>                                               | <b>Huyện Tuy Phước (13 dự án)</b>                                                                         | <b>13</b>         | <b>28,62</b>               | <b>VI</b>                     | <b>Huyện Tuy Phước (11 dự án)</b>                                                                         | <b>11</b>         | <b>28,62</b>               | <b>0,00</b>                           |                  |
| 1                                                       | Khu dân cư xã Phước Hưng                                                                                  | Xã Phước Hưng     | 2,00                       | 1                             | Khu dân cư xã Phước Hưng                                                                                  | Xã Phước Hưng     | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Khu dân cư xã Phước Thành                                                                                 | Xã Phước Thành    | 1,00                       | 2                             | Khu dân cư xã Phước Thành                                                                                 | Xã Phước Thành    | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 3                                                       | Khu dân cư xã Phước Thắng                                                                                 | Xã Phước Thắng    | 1,00                       | 3                             | Khu dân cư xã Phước Thắng                                                                                 | Xã Phước Thắng    | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 4                                                       | Khu dân cư xã Phước Thuận                                                                                 | Xã Phước Thuận    | 1,00                       | 4                             | Khu dân cư xã Phước Thuận                                                                                 | Xã Phước Thuận    | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Khu dân cư thị trấn Diêu Trì                                                                              | Thị trấn Diêu Trì | 1,00                       | 5                             | Khu dân cư thị trấn Diêu Trì                                                                              | Thị trấn Diêu Trì | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                                                     |                                |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                                                     |                                |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                                                       | Vị trí                         | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                                                       | Vị trí                         | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                                                                                    |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                                                 | (3)                            | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                                                 | (7)                            | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                                                                               |
| 6                                                       | Khu dân cư thị trấn Tuy Phước                                                                                                                       | Thị trấn Tuy Phước             | -                          | 6                             | Khu dân cư thị trấn Tuy Phước                                                                                                                       | Thị trấn Tuy Phước             | -                          | 0,00                                  | Đưa ra khỏi kế hoạch không thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 theo Văn bản số 663/UBND-XD ngày 06/5/2022 của UBND huyện Tuy Phước |
| 7                                                       | Khu dân cư xã Phước Nghĩa                                                                                                                           | Xã Phước Nghĩa                 | 1,00                       | 7                             | Khu dân cư xã Phước Nghĩa                                                                                                                           | Xã Phước Nghĩa                 | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                   |
| 8                                                       | Khu dân cư xã Phước Hòa                                                                                                                             | Xã Phước Hòa                   | -                          | 8                             | Khu dân cư xã Phước Hòa                                                                                                                             | Xã Phước Hòa                   | -                          | 0,00                                  | Đưa ra khỏi kế hoạch không thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 theo Văn bản số 663/UBND-XD ngày 06/5/2022 của UBND huyện Tuy Phước |
| 9                                                       | Khu tái định cư tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành                                                                                                  | Thôn Bình An 1, xã Phước Thành | 2,64                       | 9                             | Khu tái định cư tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành                                                                                                  | Thôn Bình An 1, xã Phước Thành | 2,64                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                   |
| 10                                                      | Khu tái định cư tại thôn Bình An 2, xã Phước Thành                                                                                                  | Thôn Bình An 2, xã Phước Thành | 4,32                       | 10                            | Khu tái định cư tại thôn Bình An 2, xã Phước Thành                                                                                                  | Thôn Bình An 2, xã Phước Thành | 4,32                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                   |
| 11                                                      | Khu tái định cư tại thôn Cảnh An 2, xã Phước Thành                                                                                                  | Thôn Cảnh An 2, xã Phước Thành | 2,90                       | 11                            | Khu tái định cư tại thôn Cảnh An 2, xã Phước Thành                                                                                                  | Thôn Cảnh An 2, xã Phước Thành | 2,90                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                   |
| 12                                                      | Khu tái định cư tại thôn An Sơn 1, xã Phước An                                                                                                      | Thôn An Sơn 1, xã Phước An     | 7,10                       | 12                            | Khu tái định cư tại thôn An Sơn 1, xã Phước An                                                                                                      | Thôn An Sơn 1, xã Phước An     | 7,10                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                   |
| 13                                                      | Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại và kết hợp chỉnh trang | Thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp     | 4,66                       | 13                            | Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại và kết hợp chỉnh trang | Thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp     | 4,66                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                   |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                  |                          |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                  |                          |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                    | Vị trí                   | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                    | Vị trí                   | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                                                                                     |
| (1)                                                     | (2)                                                                              | (3)                      | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                              | (7)                      | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                                                                                |
| VII                                                     | Huyện Tây Sơn (10 dự án)                                                         | 10                       | 26,15                      | VII                           | Huyện Tây Sơn (6 dự án)                                                          | 6                        | 17,65                      | -8,50                                 |                                                                                                                                     |
| 1                                                       | Khu tái định cư xã Tây An tại thôn Trà Sơn, xã Tây An                            | Thôn Trà Sơn, xã Tây An  | 3,00                       | 1                             | Khu tái định cư xã Tây An tại thôn Trà Sơn, xã Tây An                            | Thôn Trà Sơn, xã Tây An  | -                          | -3,00                                 | Đưa ra khỏi kế hoạch không thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 theo Văn bản số 2219/UBND-KTN ngày 22/11/2024 của UBND huyện Tây Sơn |
| 2                                                       | Khu tái định cư xã Tây An (bố trí Nhà văn hóa thôn) tại thôn Đồng Quy, xã Tây An | Thôn Đồng Quy, xã Tây An | 1,00                       | 2                             | Khu tái định cư xã Tây An (bố trí Nhà văn hóa thôn) tại thôn Đồng Quy, xã Tây An | Thôn Đồng Quy, xã Tây An | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 3                                                       | Khu tái định cư xã Bình Thuận                                                    | xã Bình Thuận            | 3,55                       | 3                             | Khu tái định cư xã Bình Thuận                                                    | xã Bình Thuận            | 3,55                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 4                                                       | Khu tái định cư Tây Vinh                                                         | xã Tây Vinh              | 7,00                       | 4                             | Khu tái định cư Tây Vinh                                                         | xã Tây Vinh              | 7,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 5                                                       | Khu tái định cư xã Bình Tường                                                    | xã Bình Tường            | 1,40                       | 5                             | Khu tái định cư xã Bình Tường                                                    | xã Bình Tường            | 1,40                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 6                                                       | Khu tái định cư xã Tây Phú                                                       | xã Tây Phú               | 1,70                       | 6                             | Khu tái định cư xã Tây Phú                                                       | xã Tây Phú               | 1,70                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 7                                                       | Khu tái định cư xã Tây Giang                                                     | xã Tây Giang             | 2,00                       | 7                             | Khu tái định cư xã Tây Giang                                                     | xã Tây Giang             | -                          | -2,00                                 | Đưa ra khỏi kế hoạch không thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 theo Văn bản số 2219/UBND-KTN ngày 22/11/2024 của UBND huyện Tây Sơn |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                              |                 |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                              |                 |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                | Vị trí          | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                | Vị trí          | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                                                                                     |
| (1)                                                     | (2)                                                                                          | (3)             | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                          | (7)             | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                                                                                |
| 8                                                       | Khu tái định cư xã Bình Thành                                                                | xã Bình Thành   | 1,50                       | 8                             | Khu tái định cư xã Bình Thành                                                                | xã Bình Thành   | -                          | -1,50                                 | Đưa ra khỏi kế hoạch không thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 theo Văn bản số 2219/UBND-KTN ngày 22/11/2024 của UBND huyện Tây Sơn |
| 9                                                       | Khu tái định cư xã Tây Xuân                                                                  | xã Tây Xuân     | 2,00                       | 9                             | Khu tái định cư xã Tây Xuân                                                                  | xã Tây Xuân     | -                          | -2,00                                 | Đưa ra khỏi kế hoạch không thực hiện trong giai đoạn 2020-2025 theo Văn bản số 2219/UBND-KTN ngày 22/11/2024 của UBND huyện Tây Sơn |
| 10                                                      | Khu tái định cư xã Bình Nghi                                                                 | xã Bình Nghi    | 3,00                       | 10                            | Khu tái định cư xã Bình Nghi                                                                 | xã Bình Nghi    | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| <b>VIII</b>                                             | <b>Thị xã Hoài Nhơn (36 dự án)</b>                                                           | <b>37</b>       | <b>115,12</b>              | <b>VIII</b>                   | <b>Thị xã Hoài Nhơn (36 dự án)</b>                                                           | <b>37</b>       | <b>115,12</b>              | <b>0,00</b>                           |                                                                                                                                     |
| 1                                                       | Chỉnh trang khu dân cư và mở rộng sân vận động Bồng Sơn (cũ)                                 | Phường Bồng Sơn | 0,50                       | 1                             | Chỉnh trang khu dân cư và mở rộng sân vận động Bồng Sơn (cũ)                                 | Phường Bồng Sơn | 0,50                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 2                                                       | Khu TĐC dự án khu hành chính dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng TT Bồng Sơn (gđ 1-kỳ 2) | Phường Bồng Sơn | 1,00                       | 2                             | Khu TĐC dự án khu hành chính dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng TT Bồng Sơn (gđ 1-kỳ 2) | Phường Bồng Sơn | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |
| 3                                                       | Khu TĐC dự án khu hành chính dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng TT Bồng Sơn (gđ2)       | Phường Bồng Sơn | 1,00                       | 3                             | Khu TĐC dự án khu hành chính dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng TT Bồng Sơn (gđ2)       | Phường Bồng Sơn | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                                                                                    |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                    |                           |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                    |                           |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                      | Vị trí                    | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                      | Vị trí                    | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                | (3)                       | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                | (7)                       | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 4                                                       | Các khu tái định cư đường thay thế đường trần phủ và khu dân cư dọc tuyến                          | Phường Tam Quan, Hoài Hảo | 15,00                      | 4                             | Các khu tái định cư đường thay thế đường trần phủ và khu dân cư dọc tuyến                          | Phường Tam Quan, Hoài Hảo | 15,00                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Khu tái định cư đường ven bên (ĐT639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh (giai đoạn 2)      | Phường Hoài Hương         | 12,00                      | 5                             | Khu tái định cư đường ven bên (ĐT639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh (giai đoạn 2)      | Phường Hoài Hương         | 12,00                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Khu tái định cư dự án Quảng trường biển thị xã Hoài Nhơn                                           | Phường Tam Quan Bắc       | 0,80                       | 6                             | Khu tái định cư dự án Quảng trường biển thị xã Hoài Nhơn                                           | Phường Tam Quan Bắc       | 0,80                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 7                                                       | Khu tái định cư số 1 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Sơn (thôn An Hội)      | Xã Hoài Sơn               | 1,57                       | 7                             | Khu tái định cư số 1 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Sơn (thôn An Hội)      | Xã Hoài Sơn               | 1,57                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 8                                                       | Khu tái định cư số 2 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Sơn (thôn Hy Văn)      | Xã Hoài Sơn               | 1,57                       | 8                             | Khu tái định cư số 2 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Sơn (thôn Hy Văn)      | Xã Hoài Sơn               | 1,57                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 9                                                       | Khu tái định cư số 3 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Châu (thôn Thành Sơn)  | Xã Hoài Châu              | 0,54                       | 9                             | Khu tái định cư số 3 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Châu (thôn Thành Sơn)  | Xã Hoài Châu              | 0,54                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 10                                                      | Khu tái định cư số 4 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Châu (thôn An Trung)   | Xã Hoài Châu              | 0,54                       | 10                            | Khu tái định cư số 4 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Châu (thôn An Trung)   | Xã Hoài Châu              | 0,54                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 11                                                      | Khu tái định cư số 5 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Phú (thôn Mỹ Bình 2)   | Xã Hoài Phú               | 3,60                       | 11                            | Khu tái định cư số 5 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Phú (thôn Mỹ Bình 2)   | Xã Hoài Phú               | 3,60                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 12                                                      | Khu tái định cư số 6 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Phú (thôn Lương Thọ 2) | Xã Hoài Phú               | 3,60                       | 12                            | Khu tái định cư số 6 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Phú (thôn Lương Thọ 2) | Xã Hoài Phú               | 3,60                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |



| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                                                |                       |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                                                |                       |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                                                  | Vị trí                | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                                                  | Vị trí                | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                                            | (3)                   | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                                            | (7)                   | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 13                                                      | Khu tái định cư số 7 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc phường Hoài Hảo (khu phố Tấn Thạnh 1, cống ông Châu)                       | Phường Hoài Hảo       | 3,60                       | 13                            | Khu tái định cư số 7 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc phường Hoài Hảo (khu phố Tấn Thạnh 1, cống ông Châu)                       | Phường Hoài Hảo       | 3,60                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 14                                                      | Khu tái định cư số 8 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc phường Hoài Thanh Tây (khu phố Ngọc Sơn Bắc, đối diện trụ sở Ngọc Sơn Bắc) | Phường Hoài Thanh Tây | 3,00                       | 14                            | Khu tái định cư số 8 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc phường Hoài Thanh Tây (khu phố Ngọc Sơn Bắc, đối diện trụ sở Ngọc Sơn Bắc) | Phường Hoài Thanh Tây | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 15                                                      | Khu tái định cư số 9 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Tân (Khu phố Giao Hội 2)                                           | Phường Hoài Tân       | 1,98                       | 15                            | Khu tái định cư số 9 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Tân (Khu phố Giao Hội 2)                                           | Phường Hoài Tân       | 1,98                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 16                                                      | Khu tái định cư số 10 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Tân (Khu phố Đệ Đức 1)                                            | Phường Hoài Tân       | 0,90                       | 16                            | Khu tái định cư số 10 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Tân (Khu phố Đệ Đức 1)                                            | Phường Hoài Tân       | 0,90                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 17                                                      | Khu tái định cư số 11 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Tân (Khu phố Đệ Đức 1)                                            | Phường Hoài Tân       | 0,90                       | 17                            | Khu tái định cư số 11 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc xã Hoài Tân (Khu phố Đệ Đức 1)                                            | Phường Hoài Tân       | 0,90                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 18                                                      | Khu tái định cư số 12 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc phường Hoài Đức (khu phố Lại Khánh Tây)                                   | Phường Hoài Đức       | 0,90                       | 18                            | Khu tái định cư số 12 phục vụ GPMB dự án đường Cao tốc Bắc Nam thuộc phường Hoài Đức (khu phố Lại Khánh Tây)                                   | Phường Hoài Đức       | 0,90                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                                                                   |                                              |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                                                                   |                                              |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                                                                     | Vị trí                                       | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                                                                     | Vị trí                                       | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                                                               | (3)                                          | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                                                               | (7)                                          | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 19                                                      | Khu tái định cư phục vụ GPMB Tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc), (đường Nguyễn Thị Minh Khai) | Xã Hoài Châu Bắc                             | 0,40                       | 19                            | Khu tái định cư phục vụ GPMB Tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc), (đường Nguyễn Thị Minh Khai) | Xã Hoài Châu Bắc                             | 0,40                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 20                                                      | Khu dân cư khu phố Giao Hội 2 (rẫy ban tá), phường Hoài Tân                                                                                                       | Phường Hoài Tân                              | 2,80                       | 20                            | Khu dân cư khu phố Giao Hội 2 (rẫy ban tá), phường Hoài Tân                                                                                                       | Phường Hoài Tân                              | 2,80                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 21                                                      | Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.                                               | Phường Hoài Thanh Tây và phường Tam Quan Nam | 2,75                       | 21                            | Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn.                                               | Phường Hoài Thanh Tây và phường Tam Quan Nam | 2,75                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 22                                                      | Khu tái định cư các Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639), trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn                                                                | Thị xã Hoài Nhơn                             | 4,00                       | 22                            | Khu tái định cư các Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639), trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn                                                                | Thị xã Hoài Nhơn                             | 4,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 23                                                      | Khu TĐC Tuyến đường ven biển ĐT639 (đoạn Mỹ Thành - Lại Giang)                                                                                                    | Xã Hoài Hải, Hoài Mỹ                         | 5,00                       | 23                            | Khu TĐC Tuyến đường ven biển ĐT639 (đoạn Mỹ Thành - Lại Giang)                                                                                                    | Xã Hoài Hải, Hoài Mỹ                         | 5,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 24                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (Năm Tấn) đến ĐT639 (đường Nguyễn Thị Định)                                                                                      | Phường Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây            | 2,00                       | 24                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (Năm Tấn) đến ĐT639 (đường Nguyễn Thị Định)                                                                                      | Phường Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây            | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 25                                                      | Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (Chợ Bộng) đến ĐT638 (đường Huỳnh Minh)                                                                                                  | Phường Hoài Tân                              | 2,00                       | 25                            | Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (Chợ Bộng) đến ĐT638 (đường Huỳnh Minh)                                                                                                  | Phường Hoài Tân                              | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 26                                                      | Khu TĐC đường kết nối đường 26-3, phường Tam Quan đến Cụm công nghiệp Hoài Châu                                                                                   | Phường Tam Quan                              | 1,00                       | 26                            | Khu TĐC đường kết nối đường 26-3, phường Tam Quan đến Cụm công nghiệp Hoài Châu                                                                                   | Phường Tam Quan                              | 1,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                   |                                 |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                   |                                 |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                     | Vị trí                          | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                     | Vị trí                          | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                               | (3)                             | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                               | (7)                             | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 27                                                      | Khu TĐC tuyến đường Nguyễn Trân (Thái Lợi cũ)                                                     | Phường Tam Qua và Tam Quan Nam  | 2,00                       | 27                            | Khu TĐC tuyến đường Nguyễn Trân (Thái Lợi cũ)                                                     | Phường Tam Qua và Tam Quan Nam  | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 28                                                      | Khu TĐC Đường kết nối cầu Phú Văn với đường Nguyễn Tất Thành và đường Biên Cương, phường Bồng Sơn | Phường Bồng Sơn                 | 0,50                       | 28                            | Khu TĐC Đường kết nối cầu Phú Văn với đường Nguyễn Tất Thành và đường Biên Cương, phường Bồng Sơn | Phường Bồng Sơn                 | 0,50                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 29                                                      | Khu TĐC Tuyến đường Trần Phú nối dài Đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp Hùng Vương (ĐT.638)               | Phường Bồng Sơn                 | 7,00                       | 29                            | Khu TĐC Tuyến đường Trần Phú nối dài Đoạn từ Quốc lộ 1 đến giáp Hùng Vương (ĐT.638)               | Phường Bồng Sơn                 | 7,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 30                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (ngã ba mũi tàu, Hoài Tân) đến giáp đường Hùng Vương (ĐT.638)    | Phường Hoài Tân                 | 8,00                       | 30                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (ngã ba mũi tàu, Hoài Tân) đến giáp đường Hùng Vương (ĐT.638)    | Phường Hoài Tân                 | 8,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 31                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (ngã ba mũi tàu, Tam Quan) đến đường ĐT.639                      | Phường Tam Quan và Tam Quan Nam | 9,00                       | 31                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (ngã ba mũi tàu, Tam Quan) đến đường ĐT.639                      | Phường Tam Quan và Tam Quan Nam | 9,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 32                                                      | Khu TĐC Xây dựng tuyến đường số 9, Tam Quan (đường Trần Nhân Tông)                                | Phường Tam Quan                 | 2,00                       | 32                            | Khu TĐC Xây dựng tuyến đường số 9, Tam Quan (đường Trần Nhân Tông)                                | Phường Tam Quan                 | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 33                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 đến đường Trường Chinh (Tuyến đường Lê Đình Chinh)               | Phường Hoài Xuân                | 3,00                       | 33                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 đến đường Trường Chinh (Tuyến đường Lê Đình Chinh)               | Phường Hoài Xuân                | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 34                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Công Thạnh đi Trường Xuân, phường Tam Quan Bắc                             | Phường Tam Quan Bắc             | 3,00                       | 34                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Công Thạnh đi Trường Xuân, phường Tam Quan Bắc                             | Phường Tam Quan Bắc             | 3,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 35                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (chợ Tam Quan) đến đường Gia Long (đường Mai Hắc Đế)             | Phường Tam Quan, Hoài Hảo       | 2,00                       | 35                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (chợ Tam Quan) đến đường Gia Long (đường Mai Hắc Đế)             | Phường Tam Quan, Hoài Hảo       | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                        |                               |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                        |                               |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                          | Vị trí                        | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                          | Vị trí                        | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                    | (3)                           | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                    | (7)                           | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 36                                                      | Khu TĐC Tuyến đường từ Thái Lợi đến UBND phường Tam Quan Bắc                                                           | Phường Tam Quan, Tam Quan Bắc | 5,00                       | 36                            | Khu TĐC Tuyến đường từ Thái Lợi đến UBND phường Tam Quan Bắc                                                           | Phường Tam Quan, Tam Quan Bắc | 5,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 37                                                      | Khu TĐC Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ (đoạn qua xã Hoài Mỹ)                                      | Xã Hoài Mỹ                    | 0,67                       | 37                            | Khu TĐC Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ (đoạn qua xã Hoài Mỹ)                                      | Xã Hoài Mỹ                    | 0,67                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| <b>IX</b>                                               | <b>Huyện Phù Cát (12 dự án)</b>                                                                                        | <b>12</b>                     | <b>130,51</b>              | <b>IX</b>                     | <b>Huyện Phù Cát (12 dự án)</b>                                                                                        | <b>12</b>                     | <b>130,51</b>              | <b>0,00</b>                           |                  |
| 1                                                       | Khu TĐC Cát Tiến 1                                                                                                     | Huyện Phù Cát                 | 9,61                       | 1                             | Khu TĐC Cát Tiến 1                                                                                                     | Huyện Phù Cát                 | 9,61                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Khu TĐC Cát Tiến 2                                                                                                     | Huyện Phù Cát                 | 13,35                      | 2                             | Khu TĐC Cát Tiến 2                                                                                                     | Huyện Phù Cát                 | 13,35                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 3                                                       | Khu TĐC - Khu dân cư Vĩnh Hội                                                                                          | Huyện Phù Cát                 | 25,08                      | 3                             | Khu TĐC - Khu dân cư Vĩnh Hội                                                                                          | Huyện Phù Cát                 | 25,08                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 4                                                       | Khu TĐC Tân Thanh                                                                                                      | Huyện Phù Cát                 | 10,90                      | 4                             | Khu TĐC Tân Thanh                                                                                                      | Huyện Phù Cát                 | 10,90                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Khu Tái định cư Cát Hanh                                                                                               | xã Cát Hanh                   | 4,06                       | 5                             | Khu Tái định cư Cát Hanh                                                                                               | xã Cát Hanh                   | 4,06                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Khu Tái định cư Cát Hiệp                                                                                               | xã Cát Hiệp                   | 3,44                       | 6                             | Khu Tái định cư Cát Hiệp                                                                                               | xã Cát Hiệp                   | 3,44                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 7                                                       | Khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Cẩm, thôn Chánh Thắng                        | xã Cát Thành                  | 4,97                       | 7                             | Khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Cẩm, thôn Chánh Thắng                        | xã Cát Thành                  | 4,97                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 8                                                       | Khu tái định cư di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1                          | xã Cát Minh                   | 4,96                       | 8                             | Khu tái định cư di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1                          | xã Cát Minh                   | 4,96                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 9                                                       | Khu tái định cư thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đề Gi | Xã Cát Khánh                  | 11,00                      | 9                             | Khu tái định cư thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đề Gi | Xã Cát Khánh                  | 11,00                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 10                                                      | Khu Tái định cư Cát Tiến (Khu 3)                                                                                       | Thị trấn Cát Tiến             | 30,39                      | 10                            | Khu Tái định cư Cát Tiến (Khu 3)                                                                                       | Thị trấn Cát Tiến             | 30,39                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                       |                                                             |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                       |                                                             |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                         | Vị trí                                                      | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                         | Vị trí                                                      | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                   | (3)                                                         | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                   | (7)                                                         | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 11                                                      | Khu tái định cư thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đề Gi | Xã Cát Hải                                                  | 2,67                       | 11                            | Khu tái định cư thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đề Gi | Xã Cát Hải                                                  | 2,67                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 12                                                      | Khu tái định cư thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đề Gi | Xã Cát Hải                                                  | 10,08                      | 12                            | Khu tái định cư thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đề Gi | Xã Cát Hải                                                  | 10,08                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| <b>X</b>                                                | <b>Huyện Phù Mỹ (09 dự án)</b>                                                                                        | <b>9</b>                                                    | <b>79,38</b>               | <b>X</b>                      | <b>Huyện Phù Mỹ (11 dự án)</b>                                                                                        | <b>11</b>                                                   | <b>87,38</b>               | <b>8,00</b>                           |                  |
| 1                                                       | Khu tái định cư tại thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp                                                                        | thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp                                  | 4,40                       | 1                             | Khu tái định cư tại thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp                                                                        | thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp                                  | 4,40                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 2                                                       | Khu tái định cư tại thôn Thanh An, xã Mỹ Hiệp                                                                         | Thôn Thanh An, xã Mỹ Hiệp                                   | 4,30                       | 2                             | Khu tái định cư tại thôn Thanh An, xã Mỹ Hiệp                                                                         | Thôn Thanh An, xã Mỹ Hiệp                                   | 4,30                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 3                                                       | Khu tái định cư tại thôn An Lạc 2, xã Mỹ Hòa                                                                          | Thôn An Lạc 2, xã Mỹ Hòa                                    | 3,85                       | 3                             | Khu tái định cư tại thôn An Lạc 2, xã Mỹ Hòa                                                                          | Thôn An Lạc 2, xã Mỹ Hòa                                    | 3,85                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 4                                                       | Khu tái định cư tại thôn Phước Thọ, xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ (vị trí gần cầu Ké)                                       | Thôn Phước Thọ, xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ (vị trí gần cầu Ké) | 2,38                       | 4                             | Khu tái định cư tại thôn Phước Thọ, xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ (vị trí gần cầu Ké)                                       | Thôn Phước Thọ, xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ (vị trí gần cầu Ké) | 2,38                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Khu tái định cư thôn Trung Bình, xã Mỹ Trinh (phục vụ GPMB dự án đường kết nối ĐT.638 - ĐT.639)                       | Xã Mỹ Trinh                                                 | 2,73                       | 5                             | Khu tái định cư thôn Trung Bình, xã Mỹ Trinh (phục vụ GPMB dự án đường kết nối ĐT.638 - ĐT.639)                       | Xã Mỹ Trinh                                                 | 2,73                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Khu tái định cư di dời dân vùng triều cường xã Mỹ An (GD 2)                                                           | Xã Mỹ An                                                    | 5,70                       | 6                             | Khu tái định cư di dời dân vùng triều cường xã Mỹ An (GD 2)                                                           | Xã Mỹ An                                                    | 5,70                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 7                                                       | Khu tái định cư Vĩnh Lợi, xã Mỹ Thành                                                                                 | Xã Mỹ Thành                                                 | 43,32                      | 7                             | Khu tái định cư Vĩnh Lợi, xã Mỹ Thành                                                                                 | Xã Mỹ Thành                                                 | 43,32                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 8                                                       | Khu tái định cư triều cường Mỹ Thắng                                                                                  | Xã Mỹ Thắng                                                 | 10,00                      | 8                             | Khu tái định cư triều cường Mỹ Thắng                                                                                  | Xã Mỹ Thắng                                                 | 10,00                      | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                 |                 |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                                                                 |                 |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                      |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                   | Vị trí          | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                                                                   | Vị trí          | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                              |
| (1)                                                     | (2)                                                                                             | (3)             | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                                                             | (7)             | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                         |
| 9                                                       | Khu tái định cư thôn Trung Hội, xã Mỹ Trinh (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam)     | Xã Mỹ Trinh     | 2,70                       | 9                             | Khu tái định cư thôn Trung Hội, xã Mỹ Trinh (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam)                                                                     | Xã Mỹ Trinh     | 2,70                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                             |
|                                                         |                                                                                                 |                 |                            | 10                            | Khu tái định cư thôn Trung Hội, xã Mỹ Trinh (phần mở rộng), phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ | Xã Mỹ Trinh     | 3,00                       | 3,00                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2676/UBND-KTHT ngày 21/11/2024 của UBND huyện Phù Mỹ |
|                                                         |                                                                                                 |                 |                            | 11                            | Khu tái định cư thôn Chánh Thuận, xã Mỹ Trinh (phục vụ dự án Tuyến đường kết nối từ cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ)             | Xã Mỹ Trinh     | 5,00                       | 5,00                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2676/UBND-KTHT ngày 21/11/2024 của UBND huyện Phù Mỹ |
| <b>XI</b>                                               | <b>Thị xã An Nhơn (21 dự án)</b>                                                                | <b>21</b>       | <b>46,17</b>               | <b>XI</b>                     | <b>Thị xã An Nhơn (28 dự án)</b>                                                                                                                                | <b>28</b>       | <b>57,81</b>               | <b>11,64</b>                          |                                                                              |
| 1                                                       | Khu tái định cư khu vực Trung Ái                                                                | Phường Nhơn Hòa | 3,63                       | 1                             | Khu tái định cư khu vực Trung Ái                                                                                                                                | Phường Nhơn Hòa | 3,63                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                             |
| 2                                                       | Khu dân cư phía Bắc QL19 (tái định cư kết hợp chỉnh trang khu vực 2 bên sông nút giao cầu Gành) | Phường Nhơn Hòa | 5,00                       | 2                             | Khu dân cư phía Bắc QL19 (tái định cư kết hợp chỉnh trang khu vực 2 bên sông nút giao cầu Gành)                                                                 | Phường Nhơn Hòa | 5,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                             |
| 3                                                       | Điểm dân cư phục vụ tái định cư công trình nâng cấp mở rộng đường Trần Khánh Dư                 | Phường Nhơn Hòa | 0,06                       | 3                             | Điểm dân cư phục vụ tái định cư công trình nâng cấp mở rộng đường Trần Khánh Dư                                                                                 | Phường Nhơn Hòa | 0,06                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                             |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                                                                                 |                   |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                                                 |                   |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú          |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|---------------------------------------|------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                                                                                   | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                                                   | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                  |
| (1)                                                     | (2)                                                                                                                                             | (3)               | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                                             | (7)               | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)             |
| 4                                                       | Điểm tái định cư khu vực đầu nối tuyến điện 110kv sau trạm biến áp 220Kv Phước An tại phường Nhơn Hòa                                           | Phường Nhơn Hòa   | 0,10                       | 4                             | Điểm tái định cư khu vực đầu nối tuyến điện 110kv sau trạm biến áp 220Kv Phước An tại phường Nhơn Hòa                                           | Phường Nhơn Hòa   | 0,10                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 5                                                       | Các điểm dân cư kết hợp tái định cư bờ Nam sông Trường Thi, khu vực Hòa Nghi                                                                    | Phường Nhơn Hòa   | 0,64                       | 5                             | Các điểm dân cư kết hợp tái định cư bờ Nam sông Trường Thi, khu vực Hòa Nghi                                                                    | Phường Nhơn Hòa   | 0,64                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 6                                                       | Khu dân cư kết hợp tái định cư đường Trần Nguyên Hãn                                                                                            | Phường Nhơn Hòa   | 2,00                       | 6                             | Khu dân cư kết hợp tái định cư đường Trần Nguyên Hãn                                                                                            | Phường Nhơn Hòa   | 2,00                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 7                                                       | Điểm dân cư xen kẹt khu vực Hòa Nghi                                                                                                            | Phường Nhơn Hòa   | 0,06                       | 7                             | Điểm dân cư xen kẹt khu vực Hòa Nghi                                                                                                            | Phường Nhơn Hòa   | 0,06                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 8                                                       | Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn phục vụ dự án đường trục KTT nối dài đoạn Km04 đến Km18+500 (bao gồm phần điều chỉnh mở rộng) | Phường Nhơn Thành | 6,25                       | 8                             | Khu tái định cư phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn phục vụ dự án đường trục KTT nối dài đoạn Km04 đến Km18+500 (bao gồm phần điều chỉnh mở rộng) | Phường Nhơn Thành | 6,25                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 9                                                       | Điểm tái định cư khu vực Vĩnh Phú                                                                                                               | Phường Nhơn Thành | 1,41                       | 9                             | Điểm tái định cư khu vực Vĩnh Phú                                                                                                               | Phường Nhơn Thành | 1,41                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 10                                                      | Điểm tái định cư thôn Ngãi Chánh                                                                                                                | Xã Nhơn Hậu       | 3,40                       | 10                            | Điểm tái định cư thôn Ngãi Chánh                                                                                                                | Xã Nhơn Hậu       | 3,40                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 11                                                      | Khu nhà ở tái định cư Thành Hoàng Đế, xã Nhơn Hậu                                                                                               | Xã Nhơn Hậu       | 5,30                       | 11                            | Khu nhà ở tái định cư Thành Hoàng Đế, xã Nhơn Hậu                                                                                               | Xã Nhơn Hậu       | 5,30                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 12                                                      | Điểm tái định cư Vân Sơn 0,2ha; các khu tái định cư xã Nhơn Hậu 1,08ha                                                                          | Xã Nhơn Hậu       | 1,28                       | 12                            | Điểm tái định cư Vân Sơn 0,2ha; các khu tái định cư xã Nhơn Hậu 1,08ha                                                                          | Xã Nhơn Hậu       | 1,28                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 13                                                      | Khu dân cư kết hợp tái định cư thôn An Thái                                                                                                     | Xã Nhơn Phúc      | 6,70                       | 13                            | Khu dân cư kết hợp tái định cư thôn An Thái                                                                                                     | Xã Nhơn Phúc      | 6,70                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |
| 14                                                      | Các khu, điểm tái định cư bờ Bắc Sông Trường Thi; khu tái định cư giáp kho bạc An Nhơn (Bắc sông Tân An) 0,2ha                                  | Phường Bình Định  | 3,01                       | 14                            | Các khu, điểm tái định cư bờ Bắc Sông Trường Thi; khu tái định cư giáp kho bạc An Nhơn (Bắc sông Tân An) 0,2ha                                  | Phường Bình Định  | 3,01                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |                                                                                           |                   |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                      |                   |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                   |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án                                                                             | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                        | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                           |
| (1)                                                     | (2)                                                                                       | (3)               | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                  | (7)               | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                      |
| 15                                                      | Điểm dân cư kết hợp tái định cư giáp đường N4, khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng           | Phường Nhơn Hưng  | 1,50                       | 15                            | Điểm dân cư kết hợp tái định cư giáp đường N4, khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng                                      | Phường Nhơn Hưng  | 1,50                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
| 16                                                      | Điểm tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường Bắc Nam số 1, xã Nhơn Khánh           | Xã Nhơn Khánh     | 0,06                       | 16                            | Điểm tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường Bắc Nam số 1, xã Nhơn Khánh                                      | Xã Nhơn Khánh     | 0,06                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
| 17                                                      | Điểm dân cư xen kẹt Thanh Giang (phục vụ TĐC dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT.631)         | Xã Nhơn Phong     | 0,05                       | 17                            | Điểm dân cư xen kẹt Thanh Giang (phục vụ TĐC dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT.631)                                    | Xã Nhơn Phong     | 0,05                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
| 18                                                      | Khu tái định cư phục vụ dự án tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá                        | Phường Nhơn Thành | 2,57                       | 18                            | Khu tái định cư phục vụ dự án tuyến giao thông Nhơn Thành - Đập Đá                                                   | Phường Nhơn Thành | 2,57                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
| 19                                                      | Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp mở rộng đường ĐH 41 (Cảnh Hàng - Phú Đa)           | Xã Nhơn An        | 1,40                       | 19                            | Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp mở rộng đường ĐH 41 (Cảnh Hàng - Phú Đa)                                      | Xã Nhơn An        | 1,40                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
| 20                                                      | Khu tái định cư tuyến trục Đông - Tây đoạn từ ĐT.636 xã Nhơn Khánh kết nối với đường QL19 | Xã Nhơn Thọ       | 1,30                       | 20                            | Khu tái định cư tuyến trục Đông - Tây đoạn từ ĐT.636 xã Nhơn Khánh kết nối với đường QL19                            | Xã Nhơn Thọ       | 1,30                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
| 21                                                      | Điểm TĐC phục vụ dự án tuyến đường trục Bắc - Nam số 2 (Đập Đá - Đê bao)                  | Phường Nhơn Hưng  | 0,45                       | 21                            | Điểm TĐC phục vụ dự án tuyến đường trục Bắc - Nam số 2 (Đập Đá - Đê bao)                                             | Phường Nhơn Hưng  | 0,45                       | 0,00                                  | Không điều chỉnh                                                          |
|                                                         |                                                                                           |                   |                            | 22                            | Điểm tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường Bắc - Nam số 3 (đường liên phường: Đoạn từ Thị Đội giáp Khu dân cư Cẩm Văn | Phường Nhơn Hưng  | 0,43                       | 0,43                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2035/UBND ngày 20/11/2024 của UBND thị xã An Nhơn |



| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |               |        |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                                                                                                                                                                     |                 |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------|---------------|--------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án | Vị trí | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án                                                                                                                                                       | Vị trí          | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                                                                |
| (1)                                                     | (2)           | (3)    | (4)                        | (5)                           | (6)                                                                                                                                                                 | (7)             | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                                                           |
|                                                         |               |        |                            | 23                            | Điểm Tái định cư phục vụ GPMB, di dời hộ dân tại Kè sông Thạch Đẻ đội 5 Bằng Châu, phường Đập Đá                                                                    | Phường Đập Đá   | 0,07                       | 0,07                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2035/UBND ngày 20/11/2024 của UBND thị xã An Nhơn                                      |
|                                                         |               |        |                            | 24                            | Khu tái định cư xóm 6, thôn Hiếu An, xã Nhơn Khánh                                                                                                                  | Xã Nhơn Khánh   | 0,28                       | 0,28                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2035/UBND ngày 20/11/2024 của UBND thị xã An Nhơn                                      |
|                                                         |               |        |                            | 25                            | Điểm tái định cư phục vụ GPMB công trình nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (Đoạn ĐT.636 kết nối với ngã 3 Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư) | Phường Nhơn Hòa | 0,06                       | 0,06                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2035/UBND ngày 20/11/2024 của UBND thị xã An Nhơn                                      |
|                                                         |               |        |                            | 26                            | Khu tái định cư dự án nâng cấp mở rộng đường phía Tây tỉnh ĐT.638                                                                                                   | Xã Nhơn Tân     | 3,50                       | 3,50                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2118/UBND ngày 30/11/2024 của UBND thị xã An Nhơn                                      |
|                                                         |               |        |                            | 27                            | Khu tái định cư Nhơn Mỹ                                                                                                                                             | Xã Nhơn Mỹ      | 4,00                       | 4,00                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2118/UBND ngày 30/11/2024, Văn bản số 194/UBND ngày 11/02/2025 của UBND thị xã An Nhơn |

| Phê duyệt tại Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 |               |        |                            | Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung |                            |                   |                            | Chênh lệch diện tích sử dụng đất (ha) | Ghi chú                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------|---------------|--------|----------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------|----------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT                                                     | Khu vực/dự án | Vị trí | Diện tích sử dụng đất (ha) | STT                           | Khu vực/dự án              | Vị trí            | Diện tích sử dụng đất (ha) |                                       |                                                                                                                |
| (1)                                                     | (2)           | (3)    | (4)                        | (5)                           | (6)                        | (7)               | (8)                        | (9) = (8) - (4)                       | (10)                                                                                                           |
|                                                         |               |        |                            | 28                            | Khu tái định cư Nhơn Thành | Phường Nhơn Thành | 3,30                       | 3,30                                  | Bổ sung theo Văn bản số 2118/UBND ngày 30/11/2024, Văn bản số 194/UBND ngày 11/02/2025 của UBND thị xã An Nhơn |